

A. TOPIC VOCABULARY (TỪ VỰNG)

STT	Từ - nhóm từ	Từ loại	Nghĩa
1		n	đơn thuốc, toa thuốc
		n.	công thức (nấu ăn)
2		n.	- sự vận hành - Ca phẫu thuật nhỏ hơn, hoàn thành trong khoảng thời gian ngắn (phẫu thuật thẩm mỹ)
		n.	ám chỉ một quá trình y tế lớn hơn và phức tạp hơn, mà có thể liên quan đến các bước phẫu thuật, sự hỗ trợ của các chuyên gia y tế, và quá trình phục hồi sau đó.
3		adj	đau nhức (chấn thương - vận động quá mức)
		v	đau (bộ phận cụ thể)
		n	đau (chấn thương/bệnh)
4		n	sự ốm yếu
		n	bệnh tật
5		adj	chấn thương (do tai nạn) (của người)
		adj	thiệt hại (vật)
6		adj	gầy - không tốt cho sức khỏe
		adj	mảnh khảnh (vừa người - cân đối)
7		n	(biện pháp, phương pháp chữa trị): - có thể chỉ đơn giản là biện pháp hoặc phương pháp để giảm nhẹ hoặc điều trị triệu chứng của một tình trạng bệnh lý mà không nhất thiết là làm cho tình trạng đó hoàn toàn biến mất. - Nó có thể bao gồm cả việc sử dụng thuốc, thực hành lối sống lành mạnh, hoặc các biện pháp khác như vận động, thư giãn, và thậm chí là thảo dược hoặc phương pháp truyền thống (do ông bà thời xưa truyền lại).

		n	thường đề cập đến việc điều trị hoặc loại bỏ hoàn toàn một tình trạng bệnh lý, làm cho người bệnh không còn mắc phải nữa .
		n	(phương pháp điều trị, liệu pháp): - đề cập đến một loạt các liệu trình trị liệu , ví dụ vật lý trị liệu, trị liệu cai nghiện,... → các phương pháp điều trị hoặc liệu pháp được thiết kế để cải thiện sức khỏe tinh thần hoặc vật lý của một người.
		n	bệnh viêm khớp
8		n	tác động, ảnh hưởng
		n	kết quả
9		adj	khỏe mạnh
		adj	vừa vặn, cân đối, thon gọn (vóc dáng)
10		v.	kiểm tra - khám bệnh
		v.	điều tra (vụ án)
11		n	sự lây nhiễm (căn bệnh) - Covid-19 infectious (a): lây nhiễm
		n	sự ô nhiễm
12		n	băng gâu
		n	băng quần (thường khi bị gãy chân, tay)
13		n	phòng bệnh (nhiều giường) trong bệnh viện
		n	phòng khám
14		n	(liều lượng) là lượng cụ thể của một chất hoặc thuốc được định lượng và sử dụng trong một khoảng thời gian cụ thể.
		n	- (sửa chữa, sửa lỗi) có nghĩa là khắc phục một vấn đề hoặc sự cố, làm cho nó trở nên đúng đắn hoặc hoạt động bình thường.

			- liều thuốc gây nghiện (illegal drug , ma túy)
15		n	cơn sốt (nhiệt độ cao)
		n	phát ban
		n	cảm cúm

II. Choose the best answer

1. After a long day of work, Lisa's headache finally **started to disappear**.

- a) put down
- b) pull through
- c) wear off
- d) give up

2. Tom used to smoke a pack a day, but he decided to **reduce** his smoking habits to improve his health.

- a) cut down on
- b) get over
- c) give up
- d) wear off

3. Emily was feeling unwell yesterday, and today she has **developed a fever**.

- a) come round/to
- b) put on
- c) come down with
- d) feel up to

4. Despite feeling weak, Alex is determined to **recover from** his illness and return to work soon.

- a) put down
- b) break up
- c) give up
- d) get over

5. Jennifer always **takes care of** her younger sister when their parents are away.

- a) look after

- b) break out
- c) come round/to
- d) pass out

6. After a long day of work, Lisa felt a headache beginning to **diminish** as the evening went on.

- a) put down
- b) pull through
- c) wear off
- d) give up

7. Jack **lost consciousness** during the marathon due to dehydration.

- a) pass out
- b) put on
- c) cut down (on)
- d) break out

8. Despite the rain, the children were **going on** their outdoor playtime.

- a) keep on
- b) put on
- c) wear off
- d) come round/to

9. Tina used to be afraid of public speaking, but she **overcame** her fear and now enjoys giving presentations.

- a) give up
- b) pull through
- c) get over
- d) break out

10. Mark's car **stopped functioning** on the highway, causing a traffic jam.

- a) cut down (on)
- b) break down
- c) come round/to
- d) break out

11. Emily **started to regain consciousness (sự nhận thức)** after fainting during the concert.

- a) cut down (on)
- b) get over
- c) pass out
- d) come round/to